

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

Số: **53/2019/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Châu, ngày 02 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trương Vũ Thanh T1** - Sinh năm 1992. Hiện trú tại: 173/16 T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn S** - Sinh năm 1983. Trú tại: 90/40 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24.9.2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24.9.2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Vũ Thanh T1 và ông Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Vũ Thanh T1 và ông Nguyễn Văn S.

- *Về con chung*: Bà Trương Vũ Thanh T1 và ông Nguyễn Văn S xác định có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh T2 – sinh ngày 06.01.2015.

Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận như sau: giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh T2 – sinh ngày 06.01.2015 cho ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ly hôn, các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trương Vũ Thanh T1 và ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 đồng bà T1 tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0007403 ngày 26.8.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007403 ngày 26.8.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường H
(số 134 quyển số 1, đăng ký ngày 18.12.2013);
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Phương Thảo